

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 315/2024/DS-PT

Ngày: 07-6-2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản, Đòi tài sản, Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Ông Võ Ngọc Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 5 và 07 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản, Đòi tài sản, Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 480/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Minh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (theo Giấy uỷ quyền ngày 03/8/2020) (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông Trương Đình P, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: số C N, Khu phố C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Từ Tiến Đ,
Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

Địa chỉ: 1 T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Ú, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Lê Hồng T1, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1: Luật sư Nguyễn Phúc
L, Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt);

Địa chỉ: C Khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị Thùy N1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số C N, Khu phố C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Chị Thạch Thị Hiền T2, sinh năm
1998 (theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2024) (xin vắng mặt);

HKTT: ấp N, T, T, Trà Vinh;

Địa chỉ liên hệ: E T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trương Công T3, sinh năm 1966 (vắng mặt);

5. Anh Trương Minh T4, sinh năm 1997 (vắng mặt);

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998 (vắng mặt);

7. Trương Nguyễn Kim N2, sinh năm 2016;

Người đại diện theo pháp luật:

7.1. Anh Trương Minh T, sinh năm 1991 (vắng mặt);

7.2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Anh Lê Phú P1, sinh năm 1986 (vắng mặt);

9. Chị Lê Hồng L1, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: số A Ô, Khu I, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11. Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: số B Quốc lộ E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Tất S, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: 546/16/24 KP4 N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Trương Đình P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hồng T1, Nguyễn Thị Thùy N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Trương Minh T, có đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Anh Trương Minh T có đứng tên 03 phần đất gồm: diện tích 1.373,4m² thửa 277 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất này có căn nhà thờ do ông bà để lại cho gia đình khoảng 120m² và khu chuồng trại khoảng 200m², phần đất còn lại thì trồng cây thanh long; diện tích 1.704m² thửa 246 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; diện tích 3.239m² thửa 297 tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2014 bà Phan Thị Ú là mẹ anh T có hùn hạp làm ăn với ông Lê Hồng T1 về việc mua bán nên có thể chấp 03 phần đất trên do anh T đứng tên để mẹ anh T mượn của ông Trương Đình P số vàng 50 cây vàng 18K. Ngày 24/01/2014 mẹ anh T là bà Phan Thị Ú cùng ông Trương Đình P đến Văn phòng C để nhờ soạn giấy tờ. Khi đến Văn phòng Công chứng bà Ú mẹ anh T đưa giấy tờ cho anh T ký tên để thế chấp. Do tin tưởng mẹ mình nên anh T không đọc lại nội dung thế chấp mà ký tên.

Đến năm 2019 mẹ anh T nói với anh là từ năm 2014 đến nay ông P không đưa số vàng 50 cây 18K cho mẹ anh mượn, bà Ú mẹ anh liên hệ đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Sau đó anh tìm hiểu và liên hệ Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện C xin trích lục thì được biết 03 phần đất do anh đứng tên có biến động, ông P đã sang tên 03 phần đất nêu trên.

Trên 03 phần đất nêu trên có căn nhà, vườn thanh long của gia đình anh (mẹ anh Phan Thị Ú, cha Trương Công T3, vợ anh Nguyễn Thị Ngọc H, con gái tên Trương Nguyễn Kim N2) không thoả thuận gì trong hợp đồng, nên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng, thực tế Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/01/2014 là hợp đồng giả cách để mẹ anh là bà Phan Thị Ú mượn 50 cây vàng 18K của ông Trương Đình P.

Tại Biên bản hoà giải ngày 19/12/2022 đại diện uỷ quyền của anh Trương Minh T trình bày: năm 2014 bà Phan Thị Ú là mẹ anh T có hùn hạp làm ăn với ông Lê Hồng T1 về việc mua bán với Công ty ông Trương Đình P nên bà Ú có vẻ nói với anh T về việc hùn hạp này. Anh T đồng ý nên có ra ký Hợp đồng chuyển nhượng cho ông P để đảm bảo thế chấp cho ông T1, bà Ú lấy vàng về kinh doanh nhưng khi ký hợp đồng xong thì ông P không giao vàng nên nay anh yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Trương Minh T, ông Trương Đình P ngày 14/01/2014 tại Văn phòng C số 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD đối với 03 thửa đất:

+ Diện tích 1.373,4m² thửa 277 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Diện tích 1.704m² thửa 246 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Diện tích 3.239m² thửa 297 tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Huỷ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cấp cho ông Trương Đình P ngày 15/02/2014 vì việc chuyển nhượng này nhằm che giấu giao dịch khác.

Bị đơn ông Trương Đình P, có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Minh T5 trình bày:

Trước đây ông Trương Đình P là Giám đốc Công ty TNHH MTV S1. Năm 2015 thì Công ty đã giải thể không còn hoạt động.

Trong thời gian hoạt động thì vào ngày 20/01/2014, ông P đại diện Công ty ký Hợp đồng giao nhận tài sản với ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú (trong hợp đồng ghi sai tên là Phan Thị Kim Ú1). Tại Hợp đồng giao nhận tài sản có nội dung “Bên Công ty TNHH MTV S1 (bên A) giao cho bên B là ông T1, bà Ú1 giữ số lượng vàng cùng chịu trách nhiệm và bảo quản tài sản, nếu xảy ra mất mát”.

Ngày 01/7/2014, ông P đại diện Công ty ký Hợp đồng nguyên tắc với ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 nhận làm đại lý giao dịch, mua bán trao đổi gia công vàng nữ trang từ 18K đến 24K. Trong quá trình phân phối giao dịch trao đổi mua bán mà bị mất, thiếu sót, bị cướp giật, tai nạn ngoài ý muốn thì bên ông T1, bà Ú1 chịu hoàn toàn trách nhiệm, buộc phải hoàn trả toàn bộ số vàng bị mất cho bên phía ông P.

Để đảm bảo cho ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 nhận làm đại lý giao dịch, mua bán trao đổi gia công vàng nữ trang từ 18K đến 24K tại Hợp đồng nguyên tắc ký ngày 01/7/2014 với Công ty TNHH MTV S1 thì ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 phải đưa tài sản đảm bảo thế chấp cho Công ty với hình thức thế chấp 03 quyền sử dụng đất của anh Trương Minh T vào ngày 24/01/2014 đối với 03 thửa: thửa 277 tờ bản đồ số 23, diện tích 1.373,4m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; thửa 246 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.704m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; thửa 297 tờ bản đồ số 17 diện tích 3.239m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trương Minh T tự nguyện đồng ý đưa tài sản là 03 thửa đất trên để thế chấp cho ông P với hình thức là Hợp đồng chuyển nhượng để đảm bảo cho việc lấy vàng kinh doanh của ông T1, bà Ú1. Nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh T.

Ngoài ra ông Lê Hồng T1 còn đưa thêm 02 tài sản khác do ông Lê Hồng T1 đứng tên để đảm bảo cho việc làm đại lý trao đổi mua bán vàng này cụ thể là thửa số 205, tờ bản đồ số 27 diện tích 499m² và thửa số 249, tờ bản đồ số 27 diện tích 2.401m² được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/4/2014 cho bà Nguyễn Thị Thùy N1 hai thửa đất nêu trên.

Ông Trương Đình P có đơn khởi kiện yêu cầu phản tố đối với anh Trương Minh T, ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 như sau:

Do ông T1, bà Ú1 cùng ký Hợp đồng nguyên tắc cùng kinh doanh nên ông Lê Hồng T1 đại diện cho bà Ú1 nhận vàng từ bà Nguyễn Thị Thùy N1 là vợ ông P 02 đợt như sau:

- Ngày 14/6/2014 nhận 6,9926 lượng vàng 100% 24K tính từ 15/6/2014 đến 31/01/2021 là 79,5 tháng = $6,9926 \times 1\% \times 79,5 = 5,5591$ lượng vàng (lãi vàng). Tổng 12,5517 lượng. Giá vàng tại thời điểm 10/3/2021 Công ty TNHH MTV V là 55.300.000 đồng. Thành tiền là 55.300.000 đồng \times 12,5517 lượng \sim (24K) = 694.109.010 đồng.

- Ngày 07/7/2014 ông T1 nhận 6,8699 lượng vàng 68%. Tạm tính từ 8/7/2014 đến 08/02/2021 là 79 tháng = $6,8699 \times 1\% \times 79$ tháng = 5,4272 lượng vàng. Tổng cộng 12,2971 lượng vàng 68%. Qui đổi ra vàng 100% còn lại 8,3620 lượng vàng \sim 24K. Giá vàng tại thời điểm 10/3/2021 Công ty TNHH MTV V là 55.300.000 đồng. Thành tiền là 55.300.000 đồng \times 8,3620 lượng \sim (24K) = 462.418.600 đồng. Tổng số vàng ông T1, bà Ú1 nhận của bà N1 là 1.156.527.610 đồng.

- Tiền công vàng trang sức như sau: ngày 14/6/2014 ông T1 nợ 4.000.000 đồng, lãi suất 2% tính từ 14/6/2014 – 31/01/2021 là 79,5 tháng = 6.360.000 đồng. Vốn, lãi 10.360.000 đồng.

Ngày 07/7/2014 ông T1 nợ gốc 24.168.000 đồng, lãi từ 07/7/2014 đến 07/02/2021 là 79 tháng \times 2% = 38.185.440 đồng, tổng vốn lãi 62.353.440 đồng.

Ngoài ra bà Ú1, ông T1 còn nợ tiền nhà trọ, nợ vay như sau:

- Ngày 27/6/2014 nợ tiền nhà trọ là 39.690.000 đồng, lãi tạm tính từ 27/6/2014 đến 28/01/2021 là 78 tháng lãi suất 2% = 62.710.200 đồng, tổng cộng là 102.400.200 đồng.

- Ngày 20/8/2014 nợ tiền trọ 13.100.000 đồng, lãi tạm tính từ 20/8/2014 đến ngày 21/02/2021 là 77 tháng \times 2% thành tiền 20.174.000 đồng, tổng cộng 33.274.000 đồng.

- Ngày 26/8/2014 ông T1 nợ sửa nhà là 50.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 26/8/2014 đến 26/01/2021 là 77 tháng \times 2% thành tiền là 77.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 127.000.000 đồng.

Ông T1, bà Ú1 còn nhận vàng và tiền từ ông Trương Đình P đưa gồm:

Ngày 01/6/2014 ông T1, bà Ú1 nhận 83,9713 lượng vàng 24K, lãi vàng từ ngày 01/6/2014 đến ngày 01/02/2021 là 80 tháng \times 1% = 67,1770 lượng vàng

24K. Tổng là 151,1483 lượng vàng ~ 24K. Giá vàng tại thời điểm 10/3/2021 Công ty TNHH MTV V là 55.300.000 đồng. Thành tiền là 55.300.000 đồng × 151,1483 lượng ~ (24K) = 8.358.500.990 đồng.

Tiền công của vàng trang sức của ngày 01/6/2014 là 192.695.000 đồng, tính lãi từ ngày 01/6/2014 đến 01/02/2021 là 80 tháng × 2% = 308.312.000 đồng, tổng vốn và lãi là 501.007.000 đồng.

Tiền nợ ông T1 mua xe ngày 20/8/2014 là 313.000.000 đồng, lãi tính từ 20/8/2014 đến ngày 20/01/2021 là 77 tháng × 2% = 482.020.000 đồng, tổng là 795.020.000 đồng.

Như vậy tổng các khoản tiền nợ 11.146.443.240 đồng ông P yêu cầu Toà án buộc ông T1, bà Ú1, anh T phải trả cho ông. Khi trả xong số tiền nêu trên thì ông P, bà N1 đồng ý trả lại 05 thửa đất tại ấp L và huỷ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Ú1 trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Trương Minh T có đứng tên 03 phần đất gồm: diện tích 1.373,4m² thửa 277 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Diện tích 1.704m² thửa 246 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; diện tích 3.239m² thửa 297 tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà và ông Lê Hồng T1 có quan hệ bạn bè làm ăn với nhau.

Năm 2014 do cần tiền hùn hạp làm ăn với ông Lê Hồng T1 về việc mua bán vàng nên bà có thể chấp 03 phần đất nêu trên do anh T đứng tên để mượn của ông Trương Đình P số vàng 50 cây vàng 18K. Ngày 24/01/2014 bà Phan Thị Ú1 cùng ông Trương Đình P đến Văn phòng C để nhờ soạn giấy tờ trước theo nội dung ông P yêu cầu. Khi soạn xong thì bà Ú1 điện thoại cho con bà là anh Trương Minh T đến Văn phòng C ký tên để thế chấp 03 thửa đất trên. Do tin tưởng nên anh T không đọc lại nội dung thế chấp mà ký tên.

Đến năm 2019 bà mới nói với anh T là từ năm 2014 đến nay ông P không đưa số vàng 50 cây 18K cho bà mượn và nhiều lần bà Ú1 có liên hệ đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả. Sau đó anh T con bà tìm hiểu và liên hệ Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện C thì được biết 03 phần đất do anh T con bà đứng tên đã sang tên cho ông Trương Đình P, ông P được đứng tên 03 thửa đất trên vào ngày 15/02/2014. Bà hoàn toàn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh T.

Tại các phiên hoà giải bà Phan Thị Ú1 trình bày: bà và ông T1 có cùng nhau làm ăn giao dịch với ông P, khi bà cùng con bà đồng ý thế chấp cho ông P để lấy 50 lượng vàng về bán, khi ký sang nhượng xong thì ông P không giao vàng, mọi giao dịch giữa ông T1, ông P bà không biết. Ông T1 đứng ra đại diện giao dịch với ông P.

Các Hợp đồng nguyên tắc, Hợp đồng thuê tài sản là do bà ký tên, lặn tay. Việc sai họ tên bà do sai sót trong đánh máy. Bà khẳng định từ khi sang nhượng

đất sang cho ông P thì bà không có nhận vàng gì của ông P, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của ông P bà không đồng ý trả vàng hay tiền gì cho ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T1 trình bày:

Ông là đại lý của Công ty ông Trương Đình P tên là Đại lý T9. Trước đó năm 2013 ông có giao dịch đại lý với Công ty ông P và thế chấp 02 Giấy chứng nhận của ông để nhận số vàng là 150 cây vàng để phân phối cho các tiệm vàng. Theo nguyên tắc hoạt động thì ông P ký Hợp đồng nguyên tắc với các tiệm vàng đảm bảo về tuổi vàng, chất lượng vàng, sau đó số vàng 150 cây vàng không đủ để hoạt động nên ông có kêu bà Ú1 đưa 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của con bà Ú1 là Trương Minh T thế chấp cho ông Trương Đình P để lấy thêm 50 cây vàng. Khi làm hợp đồng xong tại Văn phòng Công chứng thì ông P không giao vàng và Công ty không hoạt động nữa do quy định mới của Nhà nước. Ông P rút vàng lại khoảng 100 cây vàng. Nay ông T1 chỉ còn thiếu lại ông P khoảng 51,9005 lượng vàng theo biên bản đối chiếu công nợ tháng 3/2015, do ông P tự ý cắt hợp đồng rút lấy vàng về nên ông không đồng ý trả lãi.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện phản tố của ông P vì các khoản tiền trợ, tiền sửa nhà, tiền mua xe... ông đã trả xong cho vợ chồng ông P. Ngoài ra ngày 08/11/2020 giữa ông P và ông có lập một Biên bản đối chiếu công nợ, ông P đồng ý nếu các khoản nợ nào ông đã trả có chứng từ thì đưa ra ông P sẽ trừ vào biên bản này.

Ông Lê Hồng T1 có yêu cầu khởi kiện độc lập huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1. Tuy nhiên ngày 13/6/2022 ông T1 có đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện. Toà án huyện C đã ban hành Quyết định đình chỉ số 157/2022/QĐST-DS ngày 13/6/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công T3 và anh Trương Minh T4 thống nhất trình bày:

Ông T3 và anh T4 chung hộ gia đình với anh Trương Minh T. Trong 03 phần đất anh T ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Đình P ngày 24/01/2014 không có sự thoả thuận của ông T3 và anh T4 vì có nhà và vườn thanh long, chuồng trại của ông T3 và anh T4, mặt khác Hợp đồng chuyển nhượng trên là giả cách che giấu cho việc mượn vàng của bà Phan Thị Ú1, ông T3 và anh T4 thống nhất với ý kiến anh Trương Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị là vợ của anh Trương Minh T. Anh T có đứng tên 03 thửa đất đang tranh chấp với ông Trương Đình P. Từ khi về chung sống trong căn nhà của gia đình cùng canh tác vườn cây thanh long. Tài sản trên đất của gia đình chị nên thống nhất ý kiến với anh Trương Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C trình bày:

Ngày 24/01/2014 theo Phiếu yêu cầu công chứng của ông Trương Đình P, Văn phòng Công chứng có chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

giữa anh Trương Minh T, ông Trương Đình P. Thủ tục công chứng đúng theo Luật Công chứng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Anh Trương Minh T, sinh năm 1991 cư ngụ ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang có đứng tên 03 phần đất gồm: diện tích 1.373,4m² thửa 277 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Diện tích 1.704m² thửa 246 tờ bản đồ số 23 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang; diện tích 3.239m² thửa 297 tờ bản đồ số 17 đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2014 anh Trương Minh T thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Đình P tại Văn phòng C, số A, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/01/2014 và ông Trương Đình P được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất gồm:

Thửa 297 tờ bản đồ số 17 diện tích 3.239m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23743 ngày cấp 15/02/2014.

Thửa 277 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.373,4m² (đất ở nông thôn 120m² + 1253,4m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23742 ngày cấp 15/02/2014.

Thửa 246 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.704m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH23741 ngày cấp 15/02/2014.

Qua kiểm tra hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng Đ1 cung cấp thì việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Trương Đình P là đúng theo quy định của pháp luật. Việc yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa. Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện theo Quyết định hoặc Bản án của Tòa án.

Người làm chứng anh Nguyễn Tất S trình bày:

Anh chỉ biết ông T1, bà Ú1 có giao dịch với Công ty ông P, ông T1 là một đại lý của Công ty ông P và ngày 08/11/2020 thì tại nhà ông P anh có chứng kiến ông T1, ông P đối chiếu nợ và anh có ký tên vào bản đối chiếu đó. Ông T1 và ông Nguyễn Thành T6 (bạn của ông T1) có đối chiếu số nợ là 83,9713 lượng vàng 100%, tiền công 192.695.000 đồng và tiền vay là 313.000.000 đồng mua xe. Hai bên thoả thuận lãi suất tiền vay là 2%. Lãi vàng là 1%. Ngoài ra ông T1 còn lấy vàng của bà N1 vợ ông P. Ông T1 là người trực tiếp giao dịch với ông P, thỉnh thoảng thì có bà Ú1 giao dịch với ông P. Theo anh biết thì bà Ú1 có uỷ quyền cho ông T1 giao dịch với ông P. Khi ông T1 Thanh toán trả tiền vàng cho ông P thì ông P, bà N1 sẽ hoàn trả lại các thửa đất cho ông T1, bà Ú1.

Anh Lê Phú P1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

Đối với chị Lê Hồng L1: Toà án thụ lý yêu cầu độc lập của ông Lê Hồng T1 nên đưa chị vào tham gia tố tụng, tuy nhiên ông T1 đã rút đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định đình chỉ, do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy không cần thiết đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trương Minh T trình bày:

Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/01/2014 của Văn phòng C, số công chứng 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu. Do Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu, đề nghị Hội đồng xét xử vô hiệu Hợp đồng thuê đất (tài sản gắn liền với đất) ngày 05/9/2014.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện về Huỷ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Đình P ngày 15/2/2014.

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trương Đình P về việc anh Trương Minh T liên đới với ông T1, bà Ú1 trả số vàng, tiền cho ông Trương Đình P. Lý do là anh Trương Minh T không nhận bất cứ số vàng (tiền) nào từ ông P, hay ông T1 và bà Ú1. Gia đình của anh đang canh tác, quản lý, sử dụng 03 thửa đất trên nhưng hoàn toàn không có sự thoả thuận về tài sản trên đất.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Đình P trình bày:

Công ty TNHH MTV S1 có một thành viên là ông Trương Đình P làm Giám đốc, các giấy tờ đăng ký kinh doanh hoạt động đối với Công ty này hiện không còn để cung cấp cho Toà án vì Công ty đã giải thể vào năm 2015. Ông Trương Đình P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh T về việc tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/01/2014 của Văn phòng C, số công chứng 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu, không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả khi hợp đồng vô hiệu. Ông yêu cầu Toà án áp dụng Điều 132 Bộ luật Dân sự để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Ông đại diện ông Trương Đình P trình bày yêu cầu khởi kiện phản tố đối với anh Trương Minh T, bà Phan Thị Ú1, ông Lê Hồng T1 như sau:

+ Đối với số vàng, tiền công vàng ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 nhận từ bà Nguyễn Thị Thùy N1:

Ngày 14/6/2014 nhận 6,9926 lượng vàng 100% 24K tính từ 15/6/2014 đến 15/9/2023 là 111 tháng = $6,9926 \times 1\% \times 111 \text{ tháng} = 7,7617$ lượng vàng (lãi vàng). Tổng 14,7543 lượng. Giá vàng tại thời điểm 28/9/2023 Công ty TNHH MTV V là 68.700.000 đồng. Thành tiền là $68.700.000 \text{ đồng} \times 14,7543 \text{ lượng} \sim (24K) = 1.013.620.410$ đồng.

Ngày 07/7/2014 ông T1 nhận 6,8699 lượng vàng 68%. Tạm tính từ 8/7/2014 đến 08/9/2023 là 110 tháng = $6,8699 \times 1\% \times 110 \text{ tháng} = 7,5568$ lượng vàng. Tổng cộng 14,4267 lượng vàng 68%. Qui đổi ra vàng 100% còn lại

9,810 lượng vàng ~24K. Giá vàng tại thời điểm 28/9/2023 Công ty TNHH MTV V là 68.700.000 đồng. Thành tiền là 68.700.000 đồng \times 9,810 lượng \sim (24K) = 673.947.000 đồng.

Tiền công vàng trang sức như sau: ngày 14/6/2014 ông T1 nợ 4.000.000 đồng, lãi suất 2% tính từ 14/6/2014 – 14/9/2023 là 111 tháng = 8.880.000 đồng. Vốn, lãi 12.880.000 đồng.

Ngày 07/7/2014 ông T1 nợ tiền công gốc 24.168.000 đồng, lãi từ 07/7/2014 đến 07/9/2023 là 111 tháng \times 2% = 53.652.960 đồng, tổng vốn lãi 77.820.960 đồng.

Tổng số vàng, tiền công ông T1, bà Ú1 nhận của bà N1 là 1.778.268.370 đồng (một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi đồng).

+ Đối với số vàng, tiền công vàng ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 nhận từ ông Trương Đình P:

Ngày 01/6/2014 ông T1, bà Ú1 nhận 83,9713 lượng vàng 24K, lãi vàng từ ngày 1/6/2014 đến ngày 01/9/2023 là 111 tháng \times 1% = 93,2081 lượng vàng 24K. Tổng là 177,1794 lượng vàng \sim 24K. Giá vàng tại thời điểm 28/9/2023 Công ty TNHH MTV V là 68.700.000 đồng. Thành tiền là 68.700.000 đồng \times 177,1794 lượng \sim (24K) = 12.172.224.780 đồng.

Tiền công của vàng trang sức ngày 01/6/2014 là 192.695.000 đồng. Tính lãi từ ngày 01/6/2014 đến 01/9/2023 là 111 tháng \times 2% = 427.782.900 đồng. Tổng vốn và lãi là 620.477.900 đồng.

Tổng số vàng, tiền công ông T1, bà Ú1 nhận của ông P là 12.792.702.680 đồng (mười hai tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu bảy trăm lẻ hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra ông P còn yêu cầu ông T1, bà Ú1, anh T trả thêm số vàng 174,3526 lượng và lãi suất 1% theo Bảng lập xuất nhập hàng của Đại lý Thanh Phong ngày 30/5/2014 để yêu cầu Toà xem xét do mới tìm được chứng cứ.

+ Đối với các khoản nợ riêng của ông T1 còn nợ lại bà N1, ông P như sau:

Ngày 27/6/2014 nợ tiền nhà trọ bà N1 là 39.690.000 đồng, lãi tạm tính từ 27/6/2014 đến 27/9/2023 là 111 tháng lãi suất 2% = 88.111.800 đồng, tổng cộng là 127.801.800 đồng.

Ngày 20/8/2014 nợ tiền góp mua xe của bà N1 13.100.000 đồng, lãi tạm tính từ 20/8/2014 đến ngày 20/9/2023 là 109 tháng \times 2% thành tiền 28.558.000 đồng, tổng cộng 41.658.000 đồng

Ngày 26/8/2014 ông T1 nợ sửa nhà của bà N1 là 50.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 26/8/2014 đến 26/9/2023 là 109 tháng \times 2% thành tiền là 109.000.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 159.000.000 đồng.

Tiền nợ ông T1 nợ lại ông P mua xe ngày 20/8/2014 là 313.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 20/8/2014 đến ngày 20/9/2023 là 109 tháng \times 2% = 682.340.000 đồng, tổng là 995.340.000 đồng.

Tổng cộng số nợ trên với vốn và lãi là 1.323.799.800 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Đối với khoản nợ này đại diện uỷ quyền ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Lê Hồng T1 trả số tiền nợ 1.323.799.800 đồng, không yêu cầu anh T, bà Ú1 cùng liên đới trả.

Đối với tiền công vàng và vàng thì ông Trương Đình P yêu cầu cả ba người là ông T1, bà Ú1, anh T cùng liên đới trả 14.570.971.058 đồng cho ông Trương Đình P. Lý do anh Trương Minh T cùng liên đới là anh T biết sự việc hùn hạp, làm ăn chung giữa ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1, anh T tự nguyện ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trương Đình P để ông P tin tưởng mà giao vàng cho ông T1, bà Ú1 do đó anh T phải có trách nhiệm đối với số vàng này.

Đối với anh Lê Phú P1 là con của ông Lê Hồng T1, do phía ông P không cung cấp được đầy đủ địa chỉ của anh P1, đồng thời có ông T1 ký nhận vàng nên không yêu cầu giải quyết đối với anh Lê Phú P1.

Khi ông T1, bà Ú1, anh T hoàn trả đủ số tiền, số vàng (quy ra tiền) nêu trên thì ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 đồng ý làm thủ tục sang tên lại cho ông Lê Hồng T1, anh Trương Minh T và đồng ý huỷ Hợp đồng thuê đất ngày 05/9/2014.

- Bà Nguyễn Thị Thùy N1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông Trương Đình P. Xác định Công ty của vợ chồng ông bà đã giải thể vào năm 2015 không còn các giấy tờ đăng ký như Toà án yêu cầu. Ông P và bà là vợ chồng hợp pháp, tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng nên bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trương Đình P.

- Bà Phan Thị Ú1 trình bày:

Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình P vì bà không có nhận bất cứ các khoản tiền, vàng nào của ông P, toàn bộ các khoản tiền, vàng trên là do ông Lê Hồng T1 nhận. Bà thống nhất với ý kiến của anh Trương Minh T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 480/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 200, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 124, Điều 408, Điều 463, Điều 468, Điều 500 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Minh T.

1. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương Đình P với anh Trương Minh T tại Văn phòng C, số 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/01/2014 vô hiệu.

Hủy Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 05/9/2014 giữa ông Trương Đình P và ông Lê Hồng T1.

Anh Trương Minh T được liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất:

- Thửa 297 tờ bản đồ số 17 diện tích 3.239m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa 277 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.373,4m² (đất ở nông thôn 120m² + 1253,4m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Thửa 246 tờ bản đồ số 23 diện tích 1.704m² đất tọa lạc ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Trương Minh T đối với yêu cầu hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Đình P ngày 15/02/2014.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đình P yêu cầu anh Trương Minh T liên đới cùng ông Lê Hồng T1, bà Phan Thị Ú1 trả số vàng và tiền công vàng là 6.065.757.665 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trương Đình P.

Buộc bà Phan Thị Ú1, ông Lê Hồng T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Đình P số vàng 83,9713 lượng vàng 24K 100% thành tiền 4.773.768.405 đồng (bốn tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm lẻ năm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Phan Thị Ú1, ông Lê Hồng T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Đình P số vàng 6,9926 lượng vàng 24K 100% thành tiền 397.529.310 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Phan Thị Ú1, ông Lê Hồng T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Đình P số vàng 6,8699 lượng vàng loại 68% thành tiền 266.634.600 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Phan Thị Ú1, ông Lê Hồng T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Đình P số tiền công vàng cụ thể: ngày 14/6/2014 số tiền vốn 4.000.000 đồng, lãi 7.370.400 đồng, tổng vốn lãi 11.370.400 đồng; ngày 07/7/2014 số tiền vốn 24.168.000 đồng, lãi 44.531.950 đồng, tổng vốn lãi 68.699.950 đồng; ngày 01/6/2014 số tiền vốn 192.695.000 đồng, lãi 355.060.000 đồng, tổng vốn lãi là 547.755.000 đồng. Tổng số tiền công của vàng (03 khoản) là 627.825.350 đồng (sáu trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Lê Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trương Đình P số tiền vốn tiền nhà trọ là 39.690.000 đồng, lãi 73.132.800 đồng; tiền góp mua xe

13.100.000 đồng, lãi 23.703.140 đồng; nợ tiền sửa nhà là 50.000.000 đồng, lãi 90.470.000 đồng; nợ tiền mua xe là 313.000.000 đồng, lãi 566.342.200 đồng. Tổng cộng là 1.169.438.140 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn một trăm bốn mươi đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Trương Đình P không yêu cầu bà Phan Thị Ú1, anh Trương Minh T cùng liên đới với ông Lê Hồng T1 trả số vay, tiền lãi (tiền nợ nhà trọ, sửa nhà, mua xe, góp xe).

Trường hợp ông T1, bà Ú1 chậm thi hành án số tiền nêu trên cho ông P thì phải trả tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, bị đơn ông Trương Đình P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy N1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ buộc ông trả $\frac{1}{2}$ số vàng trong tổng số vàng ông còn nợ ông P là 51,9005 lượng vàng 24K; riêng đối với khoản tiền vay mua xe ô tô, đề nghị không buộc ông liên đới trả với bà Ú1.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn anh Trương Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh với ông Trương Đình P ngày 14/01/2014 tại Văn phòng C số 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu; ông Trương Đình P giữ nguyên yêu cầu phản tố buộc anh Trương Minh T, ông Lê Hồng T1 và bà Phan Thị Ú1 liên đới trả cho ông các khoản nợ 11.146.443.240 đồng.

Người kháng cáo ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; ông Lê Hồng T1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phía ông T1 cung cấp thêm 55 trang tài liệu bản chính thể hiện quá trình giao nhận vàng và yêu cầu Tòa án triệu tập những người có liên quan gồm bà Trương Thị Thu H1 (Thủ quỹ Công ty), bà Trương Thị H2 (Thủ kho Công ty), ông Nguyễn H3 (Phó Giám đốc Công ty), chị Nguyễn Thị T8 (Kế toán Công ty) để đối chất làm rõ nội dung giao nhận vàng mà ông bà này có ký nhận để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ pháp nhân của Công ty để xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thời điểm chấm dứt tư cách pháp nhân của Công ty là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ chủ thể giao dịch mua bán vàng là giữa Công ty với bà Ú1, ông T1 hay là giữa cá nhân ông P, bà N1 với bà Ú1, ông T1 để xác định ai có quyền khởi kiện đối với số tiền, vàng đang tranh chấp. Cấp sơ thẩm căn cứ Hợp đồng nguyên tắc là bản photo và đã hết hiệu lực để giải quyết tranh chấp là vi phạm tố tụng. Cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với anh T là giả tạo nhưng không xử lý hợp đồng thật sự bị che giấu là không đúng. Từ các căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P bà N1, tuyên hủy án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 trình bày: quan hệ giao dịch vàng đang tranh chấp là quan hệ giữa cá nhân ông T1 – bà Ú1 với Công ty do ông P đại diện theo pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của cá nhân ông P là không phù hợp. Theo tài liệu do ông T1 cung cấp mới tại phiên tòa với hệ thống chứng cứ do cấp sơ thẩm thu thập còn rất nhiều nội dung mâu thuẫn cần phải đối chiếu kiểm tra làm rõ; cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ pháp nhân của Công ty để xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thời điểm chấm dứt tư cách pháp nhân của Công ty và không đưa Công ty TNHH MTV S1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/11/2020 thì ông P và ông T1 đã chốt nợ từ năm 2012 đến tháng 6/2014 ông T1 chỉ còn nợ ông P 83,9713 lượng vàng nhưng kết quả xét xử không đúng với nội dung hai bên đã thừa nhận. Từ các căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1 tuyên hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: cấp sơ thẩm có nhiều sai sót nghiêm trọng về tố tụng và điều tra chưa đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông T1 cung cấp thêm nhiều chứng cứ mới cần xem xét, đối chất. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 480/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang để giao hồ sơ về cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các

đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Trương Minh T khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh với ông Trương Đình P ngày 14/01/2014 tại Văn phòng C số 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu; ông Trương Đình P giữ nguyên yêu cầu phản tố buộc anh Trương Minh T, ông Lê Hồng T1 và bà Phan Thị Ú1 liên đới trả cho ông các khoản nợ vay, nợ vàng tổng cộng là 11.146.443.240 đồng nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản, Đòi tài sản, Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Trương Minh T với bị đơn ông Trương Đình P là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung vụ án thì ông Lê Hồng T1 hùn vốn cùng bà Phan Thị Ú1 để kinh doanh vàng. Ngày 01/7/2014 ông T1 và bà Ú1 ký Hợp đồng nguyên tắc nhận làm đại lý (T) cho Công ty TNHH MTV S1 (sau đây gọi tắt là Công ty) do ông Trương Đình P làm Giám đốc đại diện. Hợp đồng nguyên tắc có thể hiện phía ông T1, bà Ú1 có thể chấp 05 thửa đất để đảm bảo cho số vàng Công ty giao cho ông T1, bà Ú1. Trong đó của ông T1 02 thửa, bà Ú1 03 thửa do con bà là Trương Minh T đứng tên.

Án sơ thẩm xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương Đình P và anh Trương Minh T tại Văn phòng C, số 147, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/01/2014 là vô hiệu do giả tạo nhưng lại không xem xét xác định hợp đồng giả tạo này che giấu giao dịch thật sự nào, có hiệu lực hay không để từ đó xác định quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan là giải quyết chưa toàn diện vụ án.

Theo bà Ú1 và anh T trình bày, anh T đồng ý đem 03 thửa đất của anh đứng tên đưa cho bà Ú1 thế chấp cho ông P để lấy 50 lượng vàng hùn vốn làm ăn với ông T1. Theo Hợp đồng nguyên tắc thì bà Ú1 cùng ông T1 phải chịu trách nhiệm đối với số vàng đã nhận của Công ty (ông P) và quá trình nhận vàng do ông T1 đại diện nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ từ thời điểm 24/01/2014 (thời điểm ký Hợp đồng thế chấp) đến khi kết thúc làm ăn phía ông T1, bà Ú1

đã nhận bao nhiêu vàng của Công ty (ông P) để xem xét trách nhiệm liên đới của anh T là thiếu sót.

Chủ thể giao kết Hợp đồng nguyên tắc làm đại lý là giữa ông T1, bà Ú1 với Công ty do ông P là Giám đốc đại diện vì có dấu mộc của Công ty, có ghi chép vào sổ sách kế toán Công ty. Như vậy số vàng ông T1, bà Ú1 là nợ Công ty chứ không phải cá nhân ông P, bà N1. Thế nhưng ông P có đơn yêu cầu phản tố với tư cách cá nhân để yêu cầu ông T1, bà Ú1 trả số vàng còn nợ Công ty là chưa phù hợp. Cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ pháp nhân của Công ty để xác định có bao nhiêu thành viên góp vốn, đã giải thể lúc nào? Quyền, nghĩa vụ của các thành viên góp vốn ra sao? mới giải quyết chính xác yêu cầu đòi vàng của ông P.

Tại phiên tòa ông Trương Đình P có yêu cầu bổ sung về số vàng 174,3526 lượng và lãi suất 1% theo Bảng lập xuất nhập hàng của Đại lý Thanh Phong ngày 30/5/2014 để yêu cầu Tòa xem xét. Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét đối với yêu cầu này và cho ông Trương Đình P có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác là chưa phù hợp vì số vàng này cũng phát sinh trong quá trình giao dịch liên quan Hợp đồng nguyên tắc nói trên nên phải được giải quyết chung trong cùng một vụ án này mới đảm bảo chính xác, toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông T1 cung cấp thêm 55 trang tài liệu thể hiện quá trình giao nhận vàng và yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người có liên quan gồm bà Trương Thị Thu H1 (Thủ quỹ), bà Trương Thị H2 (Thủ kho), ông Nguyễn H3 (Phó Giám đốc), chị Nguyễn Thị T8 để đối chất làm rõ nội dung giao nhận vàng mà ông bà này có ký nhận để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Những thiếu sót của cấp sơ thẩm như trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ trên, xét kháng cáo của ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định lại khi xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 và 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 480/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ về cho Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý, giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn lại Ông Trương Đình P, bà Nguyễn Thị Thùy N1 và ông Lê Hồng T1 900.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0026400, 0026401 cùng ngày 18/10/2023 và biên lai số 0026485 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân